

Số: /KH-BCĐ

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH
Triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 331/KH-BCĐTU'ATTP ngày 26/02/2026 của Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2026; Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm và phòng chống tác hại của rượu, bia, thuốc lá tỉnh Thái Nguyên (*sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP tỉnh*) ban hành Kế hoạch triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, thực hiện hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của: Ban Bí thư Trung ương Đảng tại Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022; Thủ tướng Chính phủ tại các Chỉ thị: Số 17/CT-TTg ngày 09/5/2017, số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020, Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 17/5/2025. Đồng thời, cụ thể hóa các nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm giao tại Kế hoạch số 331/KH-BCĐTU'ATTP ngày 26/02/2026 về triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2026 để chỉ đạo, tổ chức thực hiện đảm bảo đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trên địa bàn tỉnh. Qua đó, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về an toàn thực phẩm, hạn chế ngộ độc thực phẩm và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

- Thực hiện đánh giá: (i) Tổng thể việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm; (ii) Tình hình về an toàn thực phẩm đối với các nhóm thực phẩm lưu thông trên thị trường; (iii) Việc cấp các loại giấy chứng nhận về an toàn thực phẩm theo định hướng chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm. Thông qua công tác kiểm tra, hậu kiểm tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chính sách, pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thông qua các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Yêu cầu

- Công tác kiểm tra, hậu kiểm phải có trọng tâm, trọng điểm, trong đó tập trung hậu kiểm nhóm sản phẩm, sản phẩm thuộc diện tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố hợp quy, sản phẩm nhập khẩu thuộc diện miễn kiểm tra hoặc kiểm tra giảm và kiểm soát an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đặc biệt là các bếp ăn tập thể khu công nghiệp, trường học, lễ hội và tại các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; các cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe, các cơ sở được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Các hoạt động hậu kiểm phải được thực hiện thường xuyên, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Hậu kiểm hồ sơ tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, công bố hợp quy, bản công bố tiêu chuẩn áp dụng, đánh giá nội dung ghi nhãn và kiểm nghiệm chỉ tiêu an toàn cơ sở tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định pháp luật cơ sở công bố áp dụng. Hoạt động hậu kiểm hồ sơ tự công bố sản phẩm được thực hiện thường xuyên tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

- Việc triển khai hậu kiểm của các ngành: Y tế; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương thực hiện theo trách nhiệm quản lý đối với sản phẩm/ nhóm sản phẩm tại phụ lục II, phụ lục III, phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm (*sau đây viết tắt là Nghị định số 15/2018/NĐ-CP*). Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện theo trách nhiệm được phân công quy định tại: Điều 40 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời, đảm bảo nguyên tắc phân công quy định tại Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

- Hoạt động hậu kiểm phải đảm bảo tính chính xác, thống nhất, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời, đúng pháp luật, tránh chông chéo. Quá trình triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm không cản trở hoạt động bình thường của các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra.

II. TRỌNG TÂM NỘI DUNG KIỂM TRA, HẬU KIỂM

1. Hậu kiểm bảo đảm chất lượng thực phẩm

1.1. Tập trung kiểm soát chất lượng thực phẩm các khâu:

- Nguồn gốc nguyên liệu, vận chuyển, bảo quản; quá trình sản xuất, chế biến; nhập khẩu và lưu thông trên thị trường; việc sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, hương liệu, phẩm màu trong chế biến thực phẩm.

- Chất cấm trong chăn nuôi; sử dụng kháng sinh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, thức ăn chăn nuôi, hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ; tiếp tục kiểm soát việc sử dụng salbutamol trong chăn nuôi.

- Kiểm soát thực phẩm là hàng giả, nhập lậu/không rõ nguồn gốc xuất xứ, hết hạn sử dụng; kiểm soát hoạt động kinh doanh đa cấp, thương mại điện tử đối với thực phẩm.

1.2. Tăng cường lấy mẫu và kiểm nghiệm sản phẩm thực phẩm, đặc biệt là sản phẩm thực phẩm có nguy cơ gây ngộ độc cao.

2. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo thực phẩm

- Hậu kiểm về công bố sản phẩm/công bố hợp quy/công bố tiêu chuẩn áp dụng/tự công bố sản phẩm: Việc thực hiện các quy định về tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố hợp quy, trình tự công bố sản phẩm, phiếu kết quả kiểm nghiệm và các hồ sơ, tài liệu pháp lý quy định tại Chương II và Chương III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

- Hậu kiểm về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm: Hậu kiểm cơ sở thuộc diện cấp và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trong đó chú trọng hậu kiểm đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

- Hậu kiểm, lấy mẫu kiểm nghiệm đối với thực phẩm nhập khẩu theo thứ tự sau: Các sản phẩm thuộc diện miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu; sản phẩm, lô hàng áp dụng phương thức kiểm tra giảm; sản phẩm, lô hàng áp dụng phương thức kiểm tra thông thường.

- Hậu kiểm đối với thực phẩm nhập khẩu: hậu kiểm, lấy mẫu kiểm nghiệm theo thứ tự ưu tiên sau: Các sản phẩm thuộc diện miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Các phương thức kiểm tra sản phẩm/lô hàng khi có văn bản mới quy định.

- Hậu kiểm về ghi nhãn thực hiện theo quy định tại Chương VII Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Hậu kiểm về quảng cáo đối với các nhóm thực phẩm phải đăng ký nội dung trước khi thực hiện quảng cáo theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các văn bản quy định khác liên quan.

- Kiểm tra, hậu kiểm về sản xuất, kinh doanh và sử dụng phụ gia thực phẩm theo quy định tại Chương X Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

- Hậu kiểm về truy xuất nguồn gốc thực phẩm theo quy định tại Chương XI Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm của các Bộ, ngành.

- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố: Hậu kiểm việc chấp hành các quy định chung về bảo đảm an toàn thực phẩm, các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; việc sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm; kiểm soát bảo đảm an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể khu công nghiệp, trường học, các cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, khu du lịch, lễ hội, sự kiện lớn và thức ăn đường phố.

- Kiểm tra quá trình lưu thông trên thị trường.

3. Đối với cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm

- Kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý an toàn thực phẩm tại các địa phương tập trung vào những nội dung sau: Việc triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm theo chức năng, nhiệm vụ; cấp, thu hồi bản công bố sản phẩm và thuộc đối tượng tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm/đăng ký công bố hợp quy, giấy xác nhận nội dung quảng cáo, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm; công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm và xử lý vi phạm.

- Trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm của các ngành, các địa phương, đơn vị thực hiện theo Luật An toàn thực phẩm và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan.

- Các đoàn kiểm tra, hậu kiểm khi phát hiện vi phạm phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật; tùy theo mức độ, trường hợp vi phạm, áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả mạnh mẽ, quyết liệt như: Đình chỉ hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về an toàn thực phẩm; tịch thu tang vật, tạm dừng lưu thông, thu hồi, tiêu hủy sản phẩm vi phạm về an toàn thực phẩm; áp dụng thu hồi các loại giấy chứng nhận đã cấp theo thẩm quyền.

- Thông qua công tác hậu kiểm, phát hiện, ngăn chặn kịp thời vi phạm về an toàn thực phẩm, không để thực phẩm không đảm bảo an toàn, không rõ nguồn gốc xuất xứ, nhập lậu lưu thông trên thị trường.

II. HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, HẬU KIỂM

1. Triển khai các đợt kiểm tra, hậu kiểm về ATTP trên địa bàn tỉnh năm 2026

1.1. Hoạt động kiểm tra liên ngành:

1.1.1. Tại tuyến tỉnh:

- Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP tỉnh chỉ đạo thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành về ATTP trong các dịp cao điểm Tết Nguyên đán Bính Ngọ và mùa Lễ hội xuân năm 2026 (*đã và đang tiếp tục thực hiện*), Tháng hành động vì ATTP, dịp Tết trung thu năm 2026.

- Thành phần Đoàn kiểm tra gồm:

+ Các sở, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ Các cơ sở kiểm nghiệm an toàn thực phẩm thuộc Sở Y tế và các cơ quan quản lý chuyên ngành. Trong trường hợp cần thiết có thể trưng tập các phòng xét nghiệm khác có khả năng kiểm nghiệm an toàn thực phẩm để phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

1.1.2. Tại tuyến xã, phường: Căn cứ vào Kế hoạch của Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP tỉnh, Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP các xã, phường chủ động xây dựng, triển khai Kế hoạch kiểm tra, hậu kiểm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố theo phân cấp, địa bàn quản lý. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với các đoàn kiểm tra của tỉnh khi tiến hành kiểm tra, hậu kiểm trên địa bàn.

2. Hoạt động kiểm tra, hậu kiểm của các ngành

2.1. Hoạt động kiểm tra, hậu kiểm của ngành Y tế:

Sở Y tế chỉ đạo triển khai kiểm tra, hậu kiểm về tự công bố sản phẩm/đăng ký công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố hợp quy, sản xuất, kinh doanh, quảng cáo, nhập khẩu sản phẩm/nhóm sản phẩm theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; tại cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, đặc biệt là bếp ăn tập thể khu công nghiệp, trường học, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn và tại các lễ hội, sự kiện lớn do tỉnh tổ chức; thực hiện việc lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm, nhóm sản phẩm, đồng thời thường xuyên kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo quy định, cụ thể:

2.1.1. Quý I và quý II/2026:

- Kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong siêu thị, trung tâm thương mại, cơ sở chế biến, cung cấp, kinh doanh suất ăn sẵn, cửa hàng.

- Kiểm tra liên ngành Tết Nguyên đán Bính Ngọ và mùa Lễ hội xuân năm 2026; Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2026.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan tiến hành hậu kiểm về việc quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên các báo, đài, internet và môi trường mạng, đăng ký quảng cáo sản phẩm thực phẩm (nếu có).

- Kiểm tra các sản phẩm theo phân cấp quản lý của ngành y tế theo các chuyên đề của đơn vị, chỉ đạo của cấp trên (nếu có).

2.1.2. Quý III và quý IV/2026:

- Kiểm tra các cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đóng bình, nước đá dùng liền, sản xuất thực phẩm bổ sung.

- Kiểm tra các bếp ăn tập thể (bao gồm cả bếp ăn tập thể thuộc đối tượng cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm), căng tin, bếp ăn bán trú thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang, nhà máy xí nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, các nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp, các trường mầm non, tiểu

học trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, cơ quan tổ chức khác có quy mô 300 suất/ lần phục vụ, các bệnh viện, nhà hàng trong khách sạn trên địa bàn tỉnh; các cơ sở được quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

Ngoài việc kiểm tra, hậu kiểm theo kế hoạch, Sở Y tế chủ động kiểm tra, hậu kiểm đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc quản lý ngành và khi có vụ việc phát sinh.

2.2. Hoạt động hậu kiểm của ngành Nông nghiệp và Môi trường

- Kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất theo quy định tại Điều 68, Điều 69, Điều 70 Luật An toàn thực phẩm; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư này, bao gồm các cơ sở theo quy định tại khoản 6 Điều 54 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm.

- Kiểm tra việc thực hiện nội dung đã ký cam kết đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*).

- Kiểm tra sản phẩm trong quá trình lưu thông trên thị trường theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm.

- Giám sát ATTP đối với sản phẩm nông lâm thủy sản lưu thông, tiêu thụ trong nước theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2.3. Hoạt động hậu kiểm của ngành Công Thương:

Sở Công Thương chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc và các đơn vị liên quan triển khai hậu kiểm theo hướng dẫn của Bộ Công Thương và các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP tỉnh.

III. KINH PHÍ

Kinh phí phục vụ cho công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (*nằm trong dự toán đã giao cho các cơ quan, đơn vị năm 2026*). Việc sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, HẬU KIỂM

1. Đối với các đợt kiểm tra, hậu kiểm liên ngành ATTP (*trong các dịp Tết Nguyên đán, mùa Lễ hội, Tháng hành động về an toàn thực phẩm, Tết trung thu*): Thực hiện chế độ báo cáo theo thời gian quy định tại các kế hoạch triển khai hậu kiểm của từng đợt.

2. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch công tác kiểm tra, hậu kiểm năm 2026

- Báo cáo 06 tháng: Hoàn thành xong trước **ngày 01/7/2026**.

- Báo cáo năm 2026 và đề xuất kế hoạch công tác hậu kiểm năm 2027: Hoàn thành xong trước **ngày 01/01/2027**.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. **Sở Y tế** (*Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo ATTP tỉnh*)

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương và các ngành thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo kịp thời, hiệu quả đúng quy định.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan và UBND các xã, phường thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền các quy định về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến, sản xuất, kinh doanh, bảo quản thực phẩm...để các đơn vị, tổ chức, cơ sở kinh doanh, người dân được biết, phối hợp thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra liên ngành về ATTP trong dịp cao điểm, tháng hành động vì ATTP...theo phân công của Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương và các sở, ngành tham mưu Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm của toàn tỉnh theo thời hạn quy định.

2. **Sở Công Thương**

- Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP trong tình hình mới theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức kiểm tra, hậu kiểm các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP tỉnh và kế hoạch thanh kiểm tra năm 2026 của ngành (*lấy mẫu kiểm nghiệm nếu cần thiết*).

- Thực hiện công tác kiểm tra an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán; Tháng hành động vì ATTP năm 2026 theo phân công chỉ đạo của Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, phối hợp kiểm tra trong dịp tết Trung thu năm 2026.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Kiểm tra ATTP trong dịp tết Nguyên đán Bính Ngọ, mùa Lễ hội Xuân và Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2026.

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm ATTP theo kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.

4. Các Sở Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Hậu kiểm thường xuyên, liên tục về tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố hợp quy, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo, lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại Phụ lục II, phụ lục III, phụ lục IV và theo đúng nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm quy định tại Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ.

- Phối hợp chặt chẽ với các đoàn hậu kiểm của Trung ương khi hậu kiểm trên địa bàn (*lưu ý sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại phụ lục II, III, IV và theo đúng nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm quy định tại Điều 44 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026*).

- Hậu kiểm cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống theo phân công trách nhiệm tại Điều 40 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (*lưu ý sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện phân công trách nhiệm tại điều Điều 51 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026*).

5. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã/phường và các đơn vị có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp, nghiên cứu, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm và Nghị quyết số 66.13/2026/NQ-CP ngày 27/1/2026 của Chính phủ về công bố, đăng ký sản phẩm thực phẩm đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Ban Chỉ đạo ATTP các xã/phường

Căn cứ kế hoạch của Ban Chỉ đạo ATTP tỉnh chủ động xây dựng Kế hoạch hậu kiểm đối với: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn

(trong đó tập trung kiểm soát bảo đảm ATTP, phòng chống ngộ độc thực phẩm tại các bếp ăn tập thể khu công nghiệp, trường học...); các cơ sở thực phẩm đóng trên địa bàn theo phân cấp quản lý quy định tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh quy định về quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (*lưu ý sau ngày 15/4/2026 theo phân công trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm quy định tại Điều 51 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 và hướng dẫn của UBND tỉnh*). Đồng thời, tổng hợp kết quả kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm gửi Sở Y tế tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

(Có phụ lục văn bản quy định về lĩnh vực ATTP gửi kèm)

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định./.

Nơi nhận:

- BCD liên ngành TW về ATTP (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh (đ/c Diệp);
- Lưu: VT, KGVX (Nhưng)

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nông Quang Nhất**

PHỤ LỤC**Các văn bản quy định về lĩnh vực ATTP**

(Kèm theo KH số /KH-BCĐ ngày / /2026 của BCĐLN về ATTP tỉnh)

1. Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010.
2. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006 (được sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 14/6/2025).
3. Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá ngày 21/11/2007 (được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 18/6/2025).
4. Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 25/6/2025.
5. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
6. Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm.
7. Nghị quyết số 66.13/2026/NQ-CP ngày 27/1/2026 của Chính phủ về công bố, đăng ký sản phẩm thực phẩm.
8. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.
9. Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
10. Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/03/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.
11. Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.
12. Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.
13. Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về hành vi, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.
14. Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

15. Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về hành vi, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

16. Nghị định 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử.

17. Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại sản xuất buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

18. Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

19. Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật quảng cáo.

20. Nghị định số 70/2021/NĐ-CP ngày 20/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

21. Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.

22. Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

23. Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo.

24. Nghị định số 128/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo.

25. Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

26. Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

27. Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo kiểm dịch thực vật.

28. Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

29. Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

30. Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ xử phạt hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi.

31. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/7/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

32. Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

33. Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 19/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng thuộc nhóm hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền.

34. Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

35. Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới.

36. Quyết định số 2069/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ quy định về cấp huyện tại Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

37. Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế; Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

38. Thông tư số 18/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

39. Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

40. Thông tư số 23/2018/TT-BYT ngày 14/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.

41. Thông tư số 10/2021/TT-BYT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

41. Thông tư số 12/2024/TT-BYT ngày 18/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20-1:2024/BYT đối với giới hạn các chất ô nhiễm trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

43. Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

44. Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

45. Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

46. Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

47. Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

48. Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu.

49. Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*thay thế Thông tư số 32/2022/TT-*

BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

50. Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.